

Số: 430/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 21 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 422/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. **Anh Trương Thụy Tr**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. **Chị Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Số S S B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Thụy Tr và chị Nguyễn Thị L kết hôn vào ngày 24/3/2016 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, anh Tr và chị L chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm nên chung sống không hạnh phúc. Anh Tr, chị L không quan tâm nhau nữa, tình cảm vợ chồng đã hết, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trương Thụy Tr và chị Nguyễn Thị L xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Trương Nguyễn Gia H, sinh ngày 28/7/2016 và Trương Thụy Thiên Â, sinh ngày 01/7/2018, hiện nay các cháu đang ở cùng với anh Tr. Anh Tr và chị L thỏa thuận giao 02 con chung cháu H và cháu Â cho anh Tr trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Anh Trương Thụy Tr và chị Nguyễn Thị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Trương Thụy Tr và chị Nguyễn Thị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Trương Thụy Tr và chị Nguyễn Thị L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh Tr, chị L đã nộp theo Biên lai số 0000127 ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Thụy Trí và chị Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trương Thụy Tr và chị Nguyễn Thị L xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Trương Nguyễn Gia H, sinh ngày 28/7/2016 và Trương Thụy Thiên Â, sinh ngày 01/7/2018. Anh Tr và chị L thỏa thuận giao 02 con chung cháu H và cháu Â cho anh Tr trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Trương Thụy Tr và chị Nguyễn Thị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Trương Thụy Tr và chị Nguyễn Thị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trương Thụy Tr và chị Nguyễn Thị L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh Tr, chị L đã nộp theo Biên lai số 0000127 ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người p Trí thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP H;
- TAND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND phường P, TP H;
- (ĐKKH số 17 ngày 24/3/2016);
- Lưu HCTP;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Dũng